

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Ngành học: **Kinh doanh quốc tế** (*International Business*)

Mã ngành: 7340120

Hệ đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 04 năm

Danh hiệu: Cử nhân

Đơn vị quản lý: Bộ môn: Kinh doanh quốc tế - Khoa Kinh tế

1. Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu chung: đào tạo cử nhân ngành Kinh doanh quốc tế có kiến thức, kỹ năng, và thái độ chuyên nghiệp nhằm đáp ứng cho nhu cầu xã hội nói chung và cho doanh nghiệp nói riêng trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Mục tiêu cụ thể: sinh viên tốt nghiệp sẽ đạt được các tiêu chí sau:

- 1a. Tạo cho người học có phẩm chất chính trị, tư cách đạo đức, sức khỏe tốt, và có trách nhiệm với xã hội; có ý thức tổ chức kỷ luật, lối sống văn minh, tác phong công nghiệp và có ý thức rèn luyện sức khỏe để phục vụ ngành nghề;
- 1b. Cung cấp kiến thức cơ bản về cơ chế vận hành của nền kinh tế, hiểu biết luật pháp và chính sách đối ngoại của Đảng và nhà nước;
- 1c. Cung cấp các kiến thức cơ bản về nghiệp vụ KDQT (xuất nhập khẩu), vận tải (logistics), bảo hiểm ngoại thương, thương mại quốc tế; công cụ, chính sách ngoại thương và đối ngoại với các tổ chức liên kết kinh tế quốc tế, đầu tư quốc tế, thanh toán quốc tế và quản trị tài chính trong các công ty đa quốc gia;
- 1d. Hình thành kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và khả năng tiếp thu các kiến thức mới để nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng phân tích và làm việc; và có khả năng thích nghi với sự thay đổi của môi trường sống và làm việc tốt.

2. Chuẩn đầu ra

2.1 Kiến thức

2.1.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương

- 2.1.1.a Có kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin; đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh, có sức khỏe, có kiến thức về giáo dục quốc phòng đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;
- 2.1.1.b Có kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương, về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên để đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp;
- 2.1.1.c Có kiến thức cơ bản về tiếng Anh/tiếng Pháp tương đương trình độ A Quốc gia;
- 2.1.1.d Có kiến thức cơ bản về máy tính, các phần mềm văn phòng và các phần mềm cơ bản khác.

2.1.2 Khối kiến thức cơ sở ngành

- 2.1.2.a Có kiến thức về những nguyên lý cơ bản trong kinh tế nhằm phục vụ cho việc phân tích và giải thích các vấn đề kinh tế tâm vĩ mô và vi mô
- 2.1.2.b Có kiến thức cơ bản về thống kê, phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế;
- 2.1.2.c Có kiến thức cơ bản về kinh tế quốc tế. Có khả năng sử dụng ngoại ngữ (tiếng Anh) trong giao tiếp và đàm phán với các đối tác nước ngoài;
- 2.1.2.d Có kiến thức cơ bản về luật kinh tế, kế toán, tài chính và marketing làm nền tảng cho việc tổ chức hay tham gia vào các hoạt động kinh doanh nói chung.

2.1.3 **Khôi kiến thức chuyên ngành**

- 2.1.3.a Có kiến thức chuyên sâu về hoạt động của các loại hình công ty nói chung và công ty đa quốc gia, công ty có vốn đầu tư nước ngoài nói riêng;
- 2.1.3.b Có kiến thức về hoạch định, tổ chức, quản trị các hoạt động kinh doanh quốc tế và tài chính trong các công ty đa quốc gia; các hoạt động logistic trong ngoại thương
- 2.1.3.c Nắm vững kiến thức về vận tải, và bảo hiểm ngoại thương; am hiểu văn hóa đa quốc gia, các loại hình buôn bán quốc tế và đầu tư; có kiến thức về quản lý nhân sự, quản lý bán hàng, tiếp thị quốc tế, và thực hiện giao dịch thương mại điện tử;
- 2.1.3.d Hiểu biết về nghiệp vụ ngoại thương, kỹ thuật đàm phán trong kinh doanh quốc tế; có khả năng sử dụng tiếng anh trong đàm phán, ký kết hợp đồng xuất nhập khẩu và xúc tiến đầu tư thương mại quốc tế.

2.2 **Kỹ năng**

2.2.1 **Kỹ năng cứng**

- 2.2.1.a Vận dụng nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu, thanh toán quốc tế, và thực hiện nghiệp vụ vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương, nghiệp vụ logistic trong ngoại thương;
- 2.2.1.b Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên trong nghiên cứu, khám phá và giải quyết các vấn đề kinh tế/kinh doanh;
- 2.2.1.c Xây dựng và triển khai thực hiện, kiểm soát, và hoạch định chiến lược kinh doanh (quốc tế) trong tất cả các loại hình doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp/công ty có vốn đầu tư nước ngoài;
- 2.2.1.d Tự thu thập, phân tích và xử lý thông tin, ứng dụng được các phần mềm trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, logistic, nghiên cứu thị trường trong nước và quốc tế, và đề xuất được các giải pháp về chính sách ngoại thương;
- 2.2.1.e Vận dụng kiến thức về luật thương mại quốc tế và đầu tư, pháp luật trong hoạt động xuất nhập khẩu để xây dựng và thực thi các chính sách và chiến lược kinh doanh của công ty; Có kỹ năng soạn thảo hợp đồng ngoại thương và đàm phán hợp đồng ngoại thương;
- 2.2.1.f Vận dụng kiến thức về thương mại điện tử phục vụ cho hoạt động kinh doanh quốc tế;

2.2.2 **Kỹ năng mềm**

- 2.2.2.a Kỹ năng làm việc nhóm: thành lập, lãnh đạo, tổ chức hoạt động và phát triển nhóm;
- 2.2.2.b Kỹ năng giao tiếp: có chiến lược giao tiếp, biết cách tổ chức giao tiếp, thuyết trình tốt, giao tiếp bằng văn bản, đa truyền thông, và đồ họa;
- 2.2.2.c Kỹ năng tư duy hệ thống: lập luận vấn đề logic, có hệ thống, hiểu vấn đề ở phạm vi toàn cục, biết sự tương tác giữa các vấn đề và sắp xếp được các vấn đề theo thứ tự ưu tiên cần giải quyết/xử lý;
- 2.2.2.d Có năng lực suy xét, tư duy sáng tạo; có năng lực nghiên cứu, khám phá kiến thức và kỹ năng mới;
- 2.2.2.e Có khả năng giao tiếp tốt bằng tiếng Anh tương đương trình độ từ B2 (chuẩn Châu Âu) trở lên, đọc hiểu được các thuật ngữ chuyên ngành bằng ngoại ngữ; sử dụng thành thạo tin học văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) tương đương trình độ A và một số phần mềm xử lý dữ liệu thống kê;

2.3 **Thái độ**

- 2.3.a Có phẩm chất chính trị, chấp hành tốt chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước;
- 2.3.b Có phẩm chất đạo đức cá nhân;
- 2.3.c Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp;
- 2.3.d Có phẩm chất đạo đức xã hội.

3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Nhân viên/trưởng phòng kinh doanh xuất nhập khẩu/thương mại trong tất cả các loại hình doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
- Quản lý và giám sát bán hàng trong các công ty đa quốc gia/doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
- Nhân viên/trưởng phòng thanh toán quốc tế trong các ngân hàng thương mại.
- Chuyên viên các Sở, Ban, Ngành của nhà nước: chẳng hạn như, Sở công thương, Sở kế hoạch và đầu tư, Ban quản lý khu chế xuất khu công nghiệp, Phòng thương mại công nghiệp Việt Nam, Hải quan và cảng vụ, bộ phận/cơ quan quản lý đầu tư trực tiếp nước ngoài, các bộ phận thực hiện nghiệp vụ xuất nhập khẩu, bảo hiểm xuất khẩu, tiếp thị quốc tế, tại các phòng kinh doanh xuất nhập khẩu của các loại hình doanh nghiệp, bộ phận thanh toán quốc tế thuộc mọi thành phần kinh tế và ngân hàng, công ty vận tải biển, các công ty giao nhận hàng hóa (logistic), bộ phận nghiên cứu và phát triển (R&D) cho mọi thành phần kinh tế.
- Nghiên cứu viên và giảng viên tại các cơ sở giáo dục Cao đẳng, Đại học, Trung học chuyên nghiệp, và các cơ sở nghiên cứu; có thể đảm nhận công việc như tham gia nghiên cứu về lĩnh vực kinh doanh quốc tế và kinh tế quốc tế.
- Nhân viên cho các tổ chức chính phủ và phi chính phủ như: Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), tổ chức phi chính phủ (NGO).

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Hình thành thói quen học suốt đời, có khả năng cập nhật kiến thức, tiếp tục nghiên cứu và học tập chuyên sâu về kinh doanh thương mại, kinh tế và quản trị kinh doanh.
- Đáp ứng được với các yêu cầu học tập ở các trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế và kinh tế quốc tế.

5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà đơn vị tham khảo

- Chuẩn đầu ra (cấp III) trường đại học kinh tế, Đại học quốc gia Hà Nội
- Các tài liệu hướng dẫn xây dựng chuẩn đầu ra theo đề cương CDIO.

6. Chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HK thực hiện
Khối kiến thức Giáo dục đại cương									
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		30		Bổ trí theo nhóm ngành	
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		30		Bổ trí theo nhóm ngành	
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	3		20	65	Bổ trí theo nhóm ngành	
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	1	1		10	10	Bổ trí theo nhóm ngành	
1	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90		I, II, III
2	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		10TC nhóm AV hoặc nhóm PV	60			I, II, III
3	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45		XH023	I, II, III
4	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45		XH024	I, II, III
5	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60		XH025	I, II, III
6	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031	I, II, III
7	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032	I, II, III
8	XH004	Pháp văn căn bản 1 (*)	3			45			I, II, III
9	XH005	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		XH004	I, II, III
10	XH006	Pháp văn căn bản 3 (*)	4			60		XH005	I, II, III
11	FL004	Pháp văn tăng cường 1 (*)	3			45		XH006	I, II, III
12	FL005	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45		FL004	I, II, III
13	FL006	Pháp văn tăng cường 3 (*)	4			60		FL005	I, II, III

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HK thực hiện
14	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15			I, II, III
15	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		I, II, III
16	ML009	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	2	2		30			I, II, III
17	ML010	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	3		45		ML009	I, II, III
18	ML006	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML010	I, II, III
19	ML011	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3		45		ML006	I, II, III
20	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30			I, II, III
21	KT105	Toán kinh tế 1	3	3		45			I, II, III
22	KT022	Kỹ năng giao tiếp	2	2		30			I, II, III
23	TN010	Xác suất thống kê	3	3		45			I, II, III
24	ML007	Logic học đại cương	2		2	30			I, II, III
25	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30			I, II, III
26	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30			I, II, III
27	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30			I, II, III
28	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			I, II, III
29	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20		I, II, III
Cộng: 46 TC (Bắt buộc 31 TC; Tự chọn: 15 TC)									
Khối kiến thức cơ sở ngành									
30	KT101	Kinh tế vi mô 1	3	3		45			I, II
31	KT102	Kinh tế vĩ mô 1	3	3		45			I, II
32	KT108	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	3		45		TN010	I, II
33	KT120	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	2	2		30		KT108	I, II
34	KL369	Luật kinh tế	2	2		30			I, II
35	KT103	Quản trị học	3	3		45			I, II
36	KT106	Nguyên lý kế toán	3	3		45			I, II
37	KT104	Marketing căn bản	3	3		45			I, II
38	KT203	Ứng dụng toán trong kinh doanh	2	2		30			I, II
39	KT425	Anh văn thương mại 1	3	3		45			I, II
40	KT119	Phương pháp tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề	2	2		30			I, II
41	KT303	Kinh tế quốc tế	3	3		45		KT101,KT102	I, II
42	KT115	Kinh tế phát triển	3		6	45		KT102	I, II
43	KT205	Quy hoạch tuyến tính	3			45		KT105	I, II
44	KT330	Thuế	3			45			I, II
45	KT113	Kinh tế lượng	3			45		KT108	I, II
46	KT431	Hành vi tổ chức	2			30		KT103	I, II
47	KT111	Tài chính – tiền tệ	3			45			I, II
48	KT342	Kế toán tài chính 2	3			45		KT106	I, II
49	KT339	Kế toán quản trị 1	3			45		KT106	I, II
50	KT204	Quản trị nguồn nhân lực	3			45		KT103	I, II
51	KT210	Tâm lý quản lý	2			30			I, II
52	KT118	Kinh tế học hành vi	3		45		KT101	I, II	
Cộng: 38 TC (Bắt buộc 32 TC; Tự chọn: 6 TC)									
Khối kiến thức chuyên ngành									
53	KT316	Kinh doanh quốc tế	3	3		45			I, II
54	KT307	Kinh tế đối ngoại	3	3		45		KT303	I, II
55	KT338	Đầu tư quốc tế	3	3		45			I, II
56	KT280	Kinh doanh quốc tế 2	3	3		45		KT316	I, II
57	KT224	Vận tải và bảo hiểm ngoại thương	3	3		45			I, II
58	KT255	Kiến tập Ngoại thương	2	2			60	KT336, KT224, KT328	I, II, III
59	KT225	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3	3		45			I, II
60	KT336	Nghiệp vụ ngoại thương	3	3		45			I, II
61	KT337	Thương mại điện tử	2	2		30			I, II
62	KT223	Anh văn thương mại 2	2	2		30		KT425	I, II
63	KT226	Quản trị tài chính các công ty đa quốc gia	3	3		45		KT102	I, II
64	KT227	Logistic trong ngoại thương	3	3		45			I, II
65	KT328	Thanh toán quốc tế	3	3		45			I, II

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HK thực hiện
66	KT228	Chuyên đề ngoại thương	1	1		15			I, II
67	KT206	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2			30			I, II
68	KT314	Hệ thống thông tin kinh tế	2			30			I, II
69	KT343	Kế toán quốc tế	3			45		KT106	I, II
70	KT277	Chiến lược Marketing	3			45		KT104	I, II
71	KL333	Luật thương mại quốc tế	2			30		KL369	I, II
72	KL392	Pháp luật về hoạt động xuất nhập khẩu	2			30		KL369	I, II
73	KT207	Mô phỏng tình huống trong kinh doanh	3			45		KT103 KT104, KT308	I, II
74	KT201	Quản trị dự án	2			30			I, II
75	KT321	Nghiên cứu marketing	3			45		KT104	I, II
76	KT345	Quản trị chất lượng sản phẩm	2			30			I, II
77	KT308	Quản trị tài chính	3		9	45		KT111	I, II
78	KT395	Marketing thương mại và dịch vụ	3			45		KT104	I, II
79	KT344	Nghiệp vụ ngân hàng	3			45		KT111	I, II
80	KT249	Kinh tế học ngân hàng	3			45		KT111	I, II
81	KT360	Quản trị sản xuất	3			45			I, II
82	KT346	Quản trị chiến lược	3			45		KT103	I, II
83	KT359	Quản trị rủi ro tài chính	3			45		KT111	I, II
84	KT361	Quản trị thương hiệu	3			45			I, II
85	KT349	Quản trị bán hàng	2			30			I, II
86	KT429	Hành vi khách hàng	2			30		KT104	I, II
87	KT393	Phân tích hoạt động kinh doanh	3			45		KT106	I, II
88	KT254	Khởi sự doanh nghiệp	3			45			I, II
89	KT367	Luận văn tốt nghiệp - KDQT	10				300	≥ 105 TC	I, II
90	KT294	Tiểu luận tốt nghiệp - KDQT	4				120	≥ 105 TC	I, II
91	KT420	Dự báo kinh tế	3		10	45			I, II
92	KT281	Nghiệp vụ ngoại thương 2	3			45			I, II
93	KT282	Kinh doanh toàn cầu	2			30			I, II
94	KT335	Marketing quốc tế	3			45			I, II
95	KT278	Quảng cáo chuyên nghiệp	2			30			I, II
Cộng: 56 TC (Bắt buộc 37 TC; Tự chọn: 19 TC)									
Tổng cộng: 140 TC (Bắt buộc 100 TC; Tự chọn: 40 TC)									

(*): là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bằng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Trường hoặc học tích lũy.

Ngày 09 tháng 01 năm 2018

BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG




Hà Thanh Toàn

HỘI ĐỒNG KH và ĐT
CHỦ TỊCH



Lê Việt Dũng

KHOA KINH TẾ
TRƯỞNG KHOA



Võ Thành Danh